

Số: 2952 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 24 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh năm 2023**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt tổng số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các hội có tính chất đặc thù của tỉnh năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1084/TTr-SNV ngày 21 tháng 11 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các hội có tính chất đặc thù của tỉnh năm 2023 là 1.611 người, trong đó:

1. Cơ quan hành chính Nhà nước: 293 người.

(Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo).



2. Đơn vị sự nghiệp và các hội đặc thù cấp tỉnh: 1.318 người.

(Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo).

**Điều 2.** Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định khác có liên quan.

**Điều 3.** Các sở, ban ngành tỉnh, Hội đặc thù cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm ban hành Quyết định phân bổ chi tiết số lượng hợp đồng lao động năm 2023 cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc trong phạm vi tổng số lượng hợp đồng lao động được giao tại Điều 1 Quyết định này; đồng thời gửi Quyết định phân bổ về Sở Nội vụ, Sở Tài chính để theo dõi, quản lý và cấp phát quỹ tiền lương theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch các Hội đặc thù cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. *me*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (3b);
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh KG;
- LĐVP, P.NC;
- Lưu: VT, mqtan.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Thánh*

**Lâm Minh Thành**



**PHỤ LỤC 1**  
**SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRONG CƠ QUAN,**  
**TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 24/11/2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

| STT      | Cơ quan, đơn vị                                            | Số giao<br>năm 2023 | Ghi chú                                                    |
|----------|------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------|
|          | <b>TỔNG</b>                                                | <b>293</b>          |                                                            |
| <b>A</b> | <b>CẤP TỈNH</b>                                            | <b>204</b>          |                                                            |
| 1        | Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh | 10                  |                                                            |
| 2        | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh                             | 19                  |                                                            |
| 3        | Thanh tra tỉnh                                             | 5                   |                                                            |
| 4        | Sở Nội vụ                                                  | 7                   | Giảm 04, do giảm trụ sở làm việc của các đơn vị trực thuộc |
| 5        | Sở Tư pháp                                                 | 4                   |                                                            |
| 6        | Sở Tài chính                                               | 5                   |                                                            |
| 7        | Sở Tài nguyên và Môi trường                                | 8                   |                                                            |
| 8        | Sở Kế hoạch và Đầu tư                                      | 4                   |                                                            |
| 9        | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội                        | 4                   |                                                            |
| 10       | Sở Khoa học và Công nghệ                                   | 5                   |                                                            |
| 11       | Sở Xây dựng                                                | 5                   |                                                            |
| 12       | Sở Du lịch                                                 | 5                   |                                                            |
| 13       | Sở Văn hóa và Thể thao                                     | 5                   |                                                            |
| 14       | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn                     | 55                  |                                                            |
| 15       | Sở Giao thông vận tải                                      | 20                  |                                                            |
| 16       | Sở Thông tin và Truyền thông                               | 4                   | Giảm 01                                                    |
| 17       | Sở Công Thương                                             | 4                   |                                                            |

| STT      | Cơ quan, đơn vị                        | Số giao<br>năm 2023 | Ghi chú |
|----------|----------------------------------------|---------------------|---------|
| 18       | Sở Y tế                                | 12                  |         |
| 19       | Sở Giáo dục và Đào tạo                 | 4                   |         |
| 20       | Sở Ngoại vụ                            | 4                   |         |
| 21       | Ban Dân tộc                            | 4                   |         |
| 22       | Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh           | 4                   | Tăng 01 |
| 23       | Ban Quản lý Khu Kinh tế Phú Quốc       | 5                   |         |
| 24       | Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh  | 1                   |         |
| 25       | Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh | 1                   |         |
| <b>B</b> | <b>CẤP HUYỆN</b>                       | <b>86</b>           |         |
| 1        | Thành phố Rạch Giá                     | 7                   |         |
| 2        | Thành phố Hà Tiên                      | 8                   |         |
| 3        | Thành phố Phú Quốc                     | 7                   |         |
| 4        | Huyện An Biên                          | 5                   |         |
| 5        | Huyện An Minh                          | 6                   |         |
| 6        | Huyện Châu Thành                       | 5                   | Tăng 01 |
| 7        | Huyện Giang Thành                      | 4                   |         |
| 8        | Huyện Giồng Riềng                      | 6                   |         |
| 9        | Huyện Gò Quao                          | 6                   |         |
| 10       | Huyện Kiên Hải                         | 5                   |         |
| 11       | Huyện Kiên Lương                       | 4                   |         |
| 12       | Huyện Hòn Đất                          | 8                   |         |
| 13       | Huyện Tân Hiệp                         | 6                   |         |
| 14       | Huyện U Minh Thượng                    | 4                   |         |
| 15       | Huyện Vĩnh Thuận                       | 5                   |         |

| STT | Cơ quan, đơn vị | Số giao<br>năm 2023 | Ghi chú                              |
|-----|-----------------|---------------------|--------------------------------------|
| C   | DỰ PHÒNG        | 3                   | Tăng 03, từ số giảm<br>của Sở Nội vụ |



**PHỤ LỤC 2**  
**SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**  
**CÔNG LẬP VÀ CÁC HỘI ĐẶC THÙ CẤP TỈNH NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 24/11/2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

| STT      | Đơn vị                                                      | Số giao năm 2023 | Ghi chú |
|----------|-------------------------------------------------------------|------------------|---------|
|          | <b>TỔNG</b>                                                 | <b>1.318</b>     |         |
| <b>A</b> | <b>ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP</b>                                     | <b>1.295</b>     |         |
| <b>I</b> | <b>CẤP TỈNH</b>                                             | <b>629</b>       |         |
| 1        | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh                              | 2                |         |
| 2        | Sở Nội vụ                                                   | 3                |         |
| 3        | Sở Tư pháp                                                  | 2                |         |
| 4        | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội                         | 25               |         |
| 5        | Sở Khoa học và Công nghệ                                    | 2                |         |
| 6        | Sở Văn hóa và Thể thao                                      | 36               |         |
| 7        | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn                      | 4                |         |
| 8        | Sở Giao thông vận tải                                       | 1                |         |
| 9        | Sở Thông tin và Truyền thông                                | 2                |         |
| 10       | Sở Công Thương                                              | 1                |         |
| 11       | Sở Tài nguyên và Môi trường                                 | 4                |         |
| 12       | Sở Y tế                                                     | 397              |         |
| 13       | Sở Giáo dục và Đào tạo                                      | 106              |         |
| 14       | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh                                | 3                |         |
| 15       | Vườn Quốc gia U Minh Thượng                                 | 3                |         |
| 16       | Vườn Quốc gia Phú Quốc                                      | 4                |         |
| 17       | Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang                          | 5                |         |
| 18       | Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang                             | 3                |         |
| 19       | Trường Cao đẳng Kiên Giang                                  | 22               |         |
| 20       | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang | 4                |         |



| STT       | Đơn vị                                 | Số giao năm 2023 | Ghi chú |
|-----------|----------------------------------------|------------------|---------|
| <b>II</b> | <b>CẤP HUYỆN</b>                       | <b>666</b>       |         |
| 1         | Thành phố Rạch Giá                     | 59               |         |
| 2         | Thành phố Hà Tiên                      | 22               |         |
| 3         | Thành phố Phú Quốc                     | 41               |         |
| 4         | Huyện An Biên                          | 44               |         |
| 5         | Huyện An Minh                          | 46               |         |
| 6         | Huyện Châu Thành                       | 55               |         |
| 7         | Huyện Giang Thành                      | 17               |         |
| 8         | Huyện Giồng Riềng                      | 75               |         |
| 9         | Huyện Gò Quao                          | 65               |         |
| 10        | Huyện Hòn Đất                          | 70               |         |
| 11        | Huyện Kiên Hải                         | 11               |         |
| 12        | Huyện Kiên Lương                       | 25               |         |
| 13        | Huyện Tân Hiệp                         | 68               |         |
| 14        | Huyện U Minh Thượng                    | 34               |         |
| 15        | Huyện Vĩnh Thuận                       | 34               |         |
| <b>B</b>  | <b>HỘI ĐẶC THÙ CẤP TỈNH</b>            | <b>9</b>         |         |
| 1         | Hội Chữ thập đỏ                        | 1                |         |
| 2         | Hội Văn học nghệ thuật                 | 1                |         |
| 3         | Hội Đông y                             | 1                |         |
| 4         | Hội Luật gia                           | 1                |         |
| 5         | Hội Người cao tuổi                     | 1                |         |
| 6         | Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị         | 1                |         |
| 7         | Hội Nhà báo Kiên Giang                 | 1                |         |
| 8         | Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật | 1                |         |
| 9         | Liên minh Hợp tác xã                   | 1                |         |
| <b>C</b>  | <b>DỰ PHÒNG</b>                        | <b>14</b>        |         |